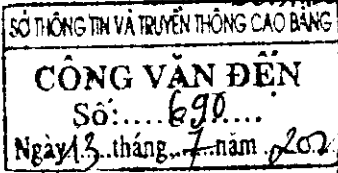


Số: 1121 /QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 08 tháng 7 năm 2016



QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định quản lý nhà nước đối với
các tổ chức hội, quỹ hoạt động trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Căn cứ Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 02/2013/TT-BNV ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1151/TTr-SNV ngày 23 tháng 6 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội, quỹ hoạt động trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, cụ thể như sau:

1. Những quy định chung

a) Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội, quỹ hoạt động trên địa bàn tỉnh Cao Bằng nhằm bảo đảm việc thành lập và hoạt động của

các tổ chức hội, quỹ có hiệu quả, đúng pháp luật, tôn chỉ, mục đích và điều lệ đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phê duyệt (hoặc điều lệ của Trung ương nếu tổ chức hội thống nhất, thừa nhận, tự nguyện hoạt động theo điều lệ của Trung ương), góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước;

b) Đối tượng quản lý nhà nước quy định trong Quyết định này bao gồm: Các tổ chức hội, quỹ hoạt động trên địa bàn tỉnh được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định cho phép thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Giao trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội, quỹ hoạt động trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành quản lý nhà nước đối với các hội, quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh (danh sách kèm theo tại thời điểm ban hành Quyết định này và các Quyết định cho phép thành lập các tổ chức hội, quỹ phát sinh sau thời điểm ban hành Quyết định này thuộc lĩnh vực hoạt động của các ngành);

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quản lý nhà nước đối với các hội, quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn.

3. Nhiệm vụ quản lý nhà nước của thủ trưởng các sở, ban, ngành đối với các tổ chức hội, quỹ

a) Xem xét, quyết định công nhận ban vận động thành lập hội theo điểm b, c, Khoản 5 Điều 6 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ và Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ;

b) Có ý kiến bằng văn bản về việc thành lập; chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể; đổi tên; tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường và phê duyệt điều lệ hội, công nhận Hội đồng quản lý quỹ và phê duyệt điều lệ quỹ và các nội dung liên quan đến công tác quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý;

c) Cho ý kiến bằng văn bản về nhân sự thuộc thẩm quyền mình quản lý tham gia các chức danh lãnh đạo chủ chốt hội, Ban Quản lý quỹ; tham gia ý kiến về công tác nhân sự lãnh đạo chủ chốt (Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc tương đương) đối với các hội đặc thù của tỉnh thuộc lĩnh vực của ngành để trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) xem xét; riêng đối với các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch 06 tổ chức hội: Hội Chữ thập đỏ; Hội Nhà báo; Hội Đông y; Hội Văn học nghệ thuật; Liên minh hợp tác xã; Hội Kiến trúc sư tỉnh (là các tổ chức hội do người trong biên chế nhà nước đảm nhận chức danh Lãnh đạo chủ chốt của hội) trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua;

d) Cung cấp các thông tin cần thiết về chính sách, pháp luật, kế hoạch, chương trình công tác và phương hướng phát triển của ngành, lĩnh vực hoặc địa phương để các hội, quỹ có cơ sở định hướng và xây dựng kế hoạch hoạt động; tạo điều kiện để hội tham gia các hoạt động phát triển sự nghiệp y tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ, thể dục thể thao và khuyến khích hoạt động của

hội, quỹ gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực và của địa phương;

đ) Lấy ý kiến của các tổ chức hội để hoàn thiện các quy định quản lý nhà nước và tạo điều kiện thuận lợi để các hội tham gia đóng góp ý kiến với vai trò phản biện xã hội đối với các chủ trương, chính sách, kế hoạch, quy hoạch, phương hướng, chương trình công tác của tỉnh, ngành và của địa phương;

e) Rà soát, lập danh sách các hội, quỹ thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương được thành lập không đúng thẩm quyền hoặc không đúng quy định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ tổng hợp) xem xét giải quyết;

g) Có ý kiến bằng văn bản với các cơ quan chức năng về việc tiếp nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước theo quy định của pháp luật và những vấn đề có liên quan đến tổ chức và hoạt động của các tổ chức hội, quỹ thuộc thẩm quyền quản lý;

h) Phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan kiểm tra việc sử dụng và quản lý tài chính của các tổ chức hội, quỹ đảm bảo việc sử dụng tài chính đúng mục đích, đúng quy định hiện hành;

i) Theo dõi, đôn đốc các tổ chức hội tiến hành đại hội nhiệm kỳ đúng thời gian quy định, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các quy trình đề nghị phê duyệt Hội đồng quản lý quỹ khi hết nhiệm kỳ, đồng thời hướng dẫn các tổ chức hội, quỹ xây dựng, sửa đổi điều lệ hội, quỹ theo quy định của pháp luật;

k) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật và thực hiện điều lệ hội, quỹ; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm đối với các tổ chức hội, quỹ thuộc thẩm quyền quản lý;

l) Định kỳ báo cáo 6 tháng, báo cáo năm và báo cáo đột xuất (khi có yêu cầu) về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý các tổ chức hội, quỹ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ).

4. Giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội, quỹ có phạm vi hoạt động trong địa bàn huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn.

a) Xem xét, ban hành văn bản chấp thuận việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường, quyết định phê duyệt điều lệ đối với hội có phạm vi hoạt động trong địa bàn xã, phường, thị trấn;

b) Quyết định phê chuẩn kết quả bầu cử, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo chủ chốt (Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc tương đương) đối với hội đặc thù trong phạm vi xã;

c) Xem xét hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với hội có phạm vi hoạt động tại địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành, đảm bảo đúng quy định pháp luật;

d) Xem xét cho phép hội có phạm vi hoạt động tại địa phương nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

đ) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật và thực hiện điều lệ hội, quỹ; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm đối với các hội, quỹ thuộc thẩm quyền quản lý.

e) Định kỳ báo cáo 6 tháng, báo cáo năm và báo cáo đột xuất (khi có yêu cầu) về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý các tổ chức hội, quỹ thuộc địa phương quản lý cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ).

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, giải thể đối với các tổ chức hội có phạm vi hoạt động trong địa bàn xã, phường, thị trấn.

6. Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu giúp UBND tỉnh

a) Cấp kinh phí hoạt động đối với các tổ chức hội được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận là hội đặc thù của tỉnh;

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của nhà nước giao cho một số tổ chức hội theo quy định của pháp luật;

c) Định kỳ hàng năm và đột xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình cấp kinh phí hoạt động cho các hội đặc thù và xem xét hỗ trợ đối với các tổ chức hội thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương.

7. Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu giúp UBND tỉnh

a) Xem xét, thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thành lập; chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể; đổi tên đối với các tổ chức hội, quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện; việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội; phê duyệt điều lệ đối với các tổ chức hội, quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện;

b) Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhân sự lãnh đạo chủ chốt (Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc tương đương) các hội đặc thù của tỉnh; quyết định phê chuẩn kết quả bầu cử, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo chủ chốt đối với các tổ chức hội đặc thù của tỉnh, Quyết định công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ;

c) Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản chấp thuận đối với nhân sự thuộc diện quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến là người đứng đầu hội theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ, đối với nhân sự dự kiến lãnh đạo các hội có tính chất đặc thù tham mưu ban hành văn bản chấp thuận sau khi có ý kiến phê duyệt của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh; riêng đối nhân sự dự kiến là lãnh đạo chủ chốt của 06 tổ chức hội: Hội Chữ thập đỏ; Hội Nhà báo; Hội Đông y; Hội Văn học nghệ thuật; Liên minh hợp tác xã; Hội Kiến trúc sư

tỉnh (là các tổ chức hội do người trong biên chế nhà nước đảm nhận chức danh Lãnh đạo chủ chốt của hội) trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua;

d) Theo dõi, quản lý và phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức, hoạt động của các tổ chức hội, quỹ;

đ) Phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật và thực hiện điều lệ của các tổ chức hội, quỹ; kiến nghị việc xử lý vi phạm của các tổ chức hội, quỹ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định;

e) Tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ quản lý nhà nước về công tác hội, quỹ cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;

g) Báo cáo định kỳ hàng năm và đột xuất (khi có yêu cầu) về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý hội, quỹ trên địa bàn tỉnh về Bộ Nội vụ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Trách nhiệm của Công an tỉnh

Công an tỉnh thực hiện việc giải quyết thủ tục khắc dấu, đăng ký mẫu dấu của các tổ chức hội, quỹ được thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và theo đúng quy định của pháp luật; rà soát, sửa đổi dấu các tổ chức hội, quỹ khắc không đúng tên theo quyết định cho phép thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thu hồi dấu của các tổ chức hội, quỹ thành lập không đúng quy định của pháp luật hoặc các tổ chức hội, quỹ đã có quyết định giải thể của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

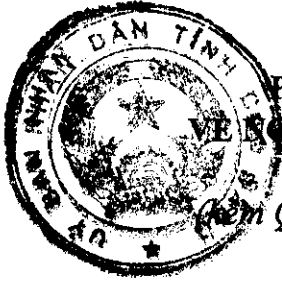
- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các PVP UBND, phòng NC, KG-VX, TH;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các tổ chức hội, quỹ trong tỉnh;
- Lưu: VT, NV, NC (D, 2b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh





DANH SÁCH
PHÂN CÔNG CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
THEO NGÀNH, LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI CÁC HỘI, QUỸ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG

(Theo Quyết định số 1121/QĐ-UBND, ngày 08 tháng 7 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. Sở Y tế:

1. Hội Y dược học tỉnh Cao Bằng;
2. Hội Châm cứu;
3. Hội Y tế thôn bản tỉnh Cao Bằng;
4. Hội Tâm năng dưỡng sinh - Phục hồi sức khỏe tỉnh Cao Bằng;
5. Hội Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Cao Bằng;
6. Hội Chữ thập đỏ tỉnh Cao Bằng;
7. Hội Đông y tỉnh Cao Bằng;
8. Hội Phòng, chống HIV/AIDS tỉnh Cao Bằng;
9. Hội Điều dưỡng tỉnh Cao Bằng.

II. Sở Giáo dục và Đào tạo:

1. Hội Khuyến học tỉnh Cao Bằng.
2. Hội Cựu giáo chức tỉnh Cao Bằng.

III. Sở Tư pháp:

1. Hội Luật gia tỉnh Cao Bằng;
2. Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng.

IV. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:

1. Hội Người mù tỉnh Cao Bằng;
2. Hội Nạn nhân chất độc Da cam/Dioxin tỉnh Cao Bằng;
3. Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Cao Bằng;
4. Câu lạc bộ Bạn giúp bạn tỉnh Cao Bằng;
5. Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Cao Bằng;
6. Quỹ Chung sức giảm nghèo tỉnh Cao Bằng;
7. Ban Đại diện Hội Người cao tuổi tỉnh Cao Bằng;
8. Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh Cao Bằng.

V. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

1. Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Cao Bằng;
2. Liên đoàn Cờ tỉnh Cao Bằng;
3. Liên đoàn Quần vợt tỉnh Cao Bằng;
4. Hội Bảo tồn dân ca các dân tộc tỉnh Cao Bằng;
5. Liên đoàn Cầu lông tỉnh Cao Bằng;
6. Hội Truyền thống Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh, Việt Nam tỉnh Cao Bằng;
7. Liên đoàn Bóng bàn tỉnh Cao Bằng;
8. Câu lạc bộ Nhiếp ảnh tỉnh Cao Bằng;
9. Hội Thơ đường luật tỉnh Cao Bằng;
10. Hiệp hội Du lịch tỉnh Cao Bằng.

VI. Sở Ngoại vụ:

1. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Cao Bằng;
2. Hội Hữu nghị Việt - Trung tỉnh Cao Bằng;
3. Hội Việt Nam - Liên bang Nga tỉnh Cao Bằng;
4. Hội Hữu nghị Việt Nam - Lào tỉnh Cao Bằng;
5. Trung tâm phát triển cộng đồng.

VII. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

1. Hội Làm vườn tỉnh Cao Bằng;
2. Hội Chăn nuôi và tiêu thụ bò thịt Cao Bằng;
3. Hội Chăn nuôi-Thú y tỉnh Cao Bằng;
4. Hội Sinh vật cảnh tỉnh Cao Bằng.

VIII. Sở Tài nguyên và Môi trường:

1. Hội Bảo vệ thiên nhiên và Môi trường tỉnh Cao Bằng.

IX. Sở Xây dựng:

1. Hội Kiến trúc sư tỉnh Cao Bằng.

X. Sở Giao thông, Vận tải:

1. Hội Khoa học kỹ thuật cầu đường tỉnh Cao Bằng;
2. Hiệp hội vận tải tỉnh Cao Bằng.

XI. Sở Khoa học và Công nghệ:

1. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Cao Bằng;

XII. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

1. Liên minh Hợp tác xã tỉnh Cao Bằng;
2. Câu lạc bộ "Nữ Doanh Nhân" tỉnh Cao Bằng;
3. Hội Doanh nhân trẻ tỉnh Cao Bằng.

XIII. Sở Thông tin và Truyền thông:

1. Hội Nhà báo tỉnh Cao Bằng.

XIV. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

Quản lý nhà nước đối với các hội hoạt động trong phạm vi huyện, xã, phường, thị trấn./.

